

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình:
Đường giao thông nông thôn thôn Xuân Khánh, xã Bãi Trành,
huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NHƯ XUÂN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/QH14 ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 28/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/1/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 9/02/2021 của Chính Phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 22/12/2021 của Hội đồng nhân dân huyện Như Xuân về việc giao UBND Quyết định Chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công nhóm C quy mô nhỏ;

Căn cứ Quyết định số 169/QĐ-UBND ngày 20/2/2023 của Chủ tịch UBND huyện Như Xuân Về việc phê duyệt chủ trương đầu tư: Đường giao thông nông thôn thôn Xuân Khánh, xã Bãi Trành, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa. (Nguồn vốn: Ngân sách huyện năm 2023 và các năm tiếp theo);

Xét Tờ trình số 63/TTr-BQL ngày 10/4/2023 của giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Như Xuân và theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng tại báo cáo thẩm định số 43/TĐ-KTHT ngày 24/5/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Đường giao thông nông thôn thôn Xuân Khánh, xã Bãi Trành, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa, với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên công trình: Đường giao thông nông thôn thôn Xuân Khánh, xã Bãi Trành, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

2. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND huyện Như Xuân.

3. Chủ đầu tư: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Như Xuân.

4. Mục tiêu đầu tư: Đầu tư xây dựng hoàn thiện tuyến đường sẽ tạo thuận lợi cho việc đi lại của nhân dân, nhất là các cháu học sinh đi đến trường. Từng bước hoàn thiện hạ tầng mạng lưới giao thông khu vực, phục vụ nhu cầu đi lại của nhân dân, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh.

5. Quy mô đầu tư xây dựng, giải pháp thiết kế:

5.1. Quy mô đầu tư: Đầu tư nâng cấp tuyến đạt GTNT cấp A theo TCVN 10380:2014 - Đường giao thông nông thôn - Yêu cầu thiết kế:

- Chiều dài tuyến: $L=433,6\text{m}$ (điểm đầu Km0+00 giao với đường HCM điểm cuối cọc 12 Km0+433,6). Từ cọc cuối tuyến cọc 12 kéo dài vượt nối sang phải tuyến bám theo mặt đường bê tông hiện trạng với chiều dài là $L=131,45\text{m}$.

- Vận tốc thiết kế $V_{tk}=20\text{km/h}$;

- Chiều rộng nền đường $B_n=5,5\text{m}$; -6,6m (có chàm trước tránh GPMB);

- Chiều rộng mặt đường $B_m=4,5\text{m}$ (riêng đoạn từ Km0+00 đến Km0+85.60 có mặt đường $B_m=5,0\text{m}$);

- Chiều rộng lề đất $B_l=2 \times 0,5\text{m}=1,0\text{m}$;

- Đốc mặt đường $i=2\%$; đốc lề đường $i=2\%$;

- Tại các vị trí giao nhau với đường ngang dân sinh vượt nối bê tông từ tuyến chính ra đường hiện trạng là 3m. Riêng đoạn đường ngang cuối tuyến từ cọc 12 vượt nối về bên phải tuyến thêm 131,45m.

5.2. Giải pháp thiết kế

a) Thiết kế bình đồ: Tim tuyến chủ yếu bám theo đường cũ, một số vị trí trên tuyến được nắn chỉnh để phù hợp với quy mô cấp đường và giảm thiểu việc đền bù GPMB đến các hộ dân trong vùng dự án.

b) Thiết kế trắc dọc: Thiết kế trắc dọc tuyến theo cao độ đường hiện trạng nối trùng với cao độ đường hiện trạng.

c) Thiết kế nền đường: Nền đường đảm bảo độ chặt $K \geq 0,95$; độ dốc mái taluy nền đắp 1/1,50; độ dốc taluy nền đào 1/1.0

d) Thiết kế mặt đường: Áp dụng kết cấu mặt đường BTXM mác 250 dày 15 cm đá 1x2 để tăng cường trên mặt đường xi măng hiện trạng; đối với các vị trí mặt đường mở rộng được cạp móng bằng CPĐD dày 16cm, sau đó tăng cường lớp mặt đường BTXM M250 dày 17cm, trước khi đổ bê tông phần cạp mở rộng được lót 1 lớp ni lông tái sinh chống mất nước.

- Kết cấu 1: Phần cạp mở rộng:

+ Lớp 1: BTXM đá 1x2 mác 250#, dày 17cm;

- + Lớp 2: Nilon tái sinh chống mất nước;
- + Lớp 3: Cấp phối đá dăm loại II, dày 16cm;
- + Nền đường.
- Kết cấu 2: Phần Tăng cường trên mặt đường BTXM hiện trạng:
- + Lớp 1: BTXM đá 1x2 mác 250#, dày 15cm;
- + Lớp 2: Bù vênh mặt đường hiện trạng bằng BTXM mác 250#, dày trung bình từ 1-:-2cm;
- + Lớp 3: Mặt đường bê tông hiện trạng.

e) Thiết kế thoát nước: Trên đoạn tuyến thiết kế mới rãnh dọc chịu lực BxH=0.5x0.6 (m) hai bên tuyến đoạn từ Km0+0,2 đến Km0+128 và 01 cống bản B50 qua đường tại cọc 3 (Km0+116,53)tuyến nhánh.

+ Kết cấu: Loại rãnh kín chịu lực có tiết diện chữ nhật 50x60cm, chiều rộng lòng rãnh B=50cm, thu nước mặt đường dọc theo mép bó vỉa về các hố thu qua cửa thu nước với khoảng cách trung bình 30m/01 hố thu; Thân và đáy rãnh bằng BTCT M250 dày 15cm, trên lớp đá dăm đệm dày 10cm; nắp rãnh bằng BTCT M300 rộng 80cm đúc sẵn; chiều dày nắp rãnh tại mép là 14cm, mép rãnh nhỏ nhất là 12cm và bố trí giạt khác 3cm để chống chuyển vị. Hố thu kết cấu giống rãnh dọc, đáy hố thu sâu hơn đáy rãnh 30cm, nắp rãnh tại hố thu bố trí 06 khe thu nước rộng 3cm, dài 30cm, khoảng cách đến tim là 15cm.

(Chi tiết như hồ sơ báo cáo kinh tế - kỹ thuật)

6. Tổ chức tư vấn khảo sát, thiết kế, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Công ty cổ phần thiết kế kiến trúc xây dựng Thăng Long.

7. Địa điểm xây dựng: Xã Bãi Trành, huyện Như Xuân.

8. Nhóm dự án; loại, cấp công trình: Dự án nhóm C, Công trình giao thông, cấp IV.

9. Số bước thiết kế: 1 bước (Báo cáo Kinh tế - kỹ thuật).

10. Danh mục các Quy chuẩn, tiêu chuẩn chủ yếu được áp dụng: Theo báo cáo kết quả thẩm định số 43/KTHT-TĐ, ngày 24/5/2023 của Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Như Xuân.

11. Tổng mức đầu tư: **1.471.657.000 đồng**. *(Bằng chữ: Một tỷ bốn trăm bảy mươi một triệu sáu trăm năm mươi bảy nghìn đồng)*

Trong đó: Giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư:

- Chi phí xây lắp:	1.220.976.000	đồng
- Chi phí quản lý dự án:	33.566.000	đồng
- Chi phí tư vấn:	129.804.000	đồng
- Chi phí khác:	17.232.000	đồng
- Chi phí dự phòng:	70.078.900	đồng

(chi tiết có phụ biểu kèm theo).

12. Thời gian thực hiện: Năm 2023.

13. Nguồn vốn: Ngân sách huyện năm 2023 và năm tiếp theo *(tại Quyết định số 169/QĐ-UBND ngày 20/2/2023 của UBND huyện Như Xuân).*

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp thực hiện quản lý dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Giao Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện (Chủ đầu tư) có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng nội dung được duyệt tại Điều 1 Quyết định này và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan về quản lý đầu tư xây dựng công trình.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng các phòng, ban: Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế - Hạ tầng, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Như Xuân; Chi cục thuế khu vực Như Thanh - Như Xuân, Chủ tịch UBND xã Bãi Trành và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND huyện;
- Các Phó Chủ tịch UBND huyện;
- Phòng Kinh tế & Hạ tầng;
- Chủ đầu tư: 04 bản;
- Trang thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hữu Tuất

Phụ lục: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ**Công trình: Đường giao thông nông thôn thôn Xuân Khánh, xã Bãi Trành***(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /5/2023 của Chủ tịch UBND huyện)*

TT	NỘI DUNG CHI PHÍ	Tỷ lệ %	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ SAU THUẾ	KÝ HIỆU
1	Chi phí xây dựng			1.220.976.000	Gxd
1.1	Nền mặt đường		Theo bảng tổng hợp dự toán hạng mục	682.759.100	
1.2	Rãnh dọc			521.571.339	
1.3	Cống bản (tuyến nhánh)			16.645.545	
2	Chi phí quản lý dự án	3,024%	Gxd trước thuế x tỷ lệ	33.566.000	Gqlda
3	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng			129.804.000	Gtv
3.1	Chi phí khảo sát địa hình		Dự toán chi tiết	19.747.000	
3.2	Chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật	5,301%	Gxd trước thuế x tỷ lệ	64.724.000	
3.3	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng	0,346%	Gxd trước thuế x tỷ lệ	4.225.000	
3.4	Chi phí giám sát thi công xây dựng	3,203%	Gxd trước thuế x tỷ lệ	39.108.000	
3.5	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu	0,05%	Tối thiểu	2.000.000	
4	Chi phí khác			17.232.000	Gk
4.1	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	0,57%	Tổng mức đầu tư x tỷ lệ	8.392.000	
4.2	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng		Tạm tính	5.000.000	
4.3	Chi phí thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật		Tối thiểu	3.840.000	
5	Chi phí dự phòng			70.078.900	Gdp
5.1	Dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh	5%	(Gxd+Gqlda+Gtv+ Gk) sau thuế x tỷ lệ	70.078.900	
	Tổng cộng			1.471.656.900	Gxdct
	Làm tròn			1.471.657.000	